

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2009.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**
- Tên giao dịch quốc tế: RAILWAY TRANSPORTATION SERVICE JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Anh: **VRTS**
- Trụ sở chính: 120 Phố Định Công, Phường Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Điện thoại : 0438.641809- 0438.644805
- Fax: 0438.641205
- Website: : <http://www.vrts.vn>
- Email : vrtsp@fpt.vn ; vrtsp@vrtsp.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103006368 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 05/01/2005 và thay đổi lần 1 ngày 08/9/2008.
- Mã số thuế: 0100105207

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng năm 1954, Đảng và Nhà nước đã quan tâm khôi phục khẩn trương các tuyến đường sắt. Đây là ngành vận tải quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng CNXH ở miền Bắc, góp phần chi viện cho chiến trường miền Nam, đấu tranh thống nhất đất nước. Công tác xếp dỡ ở các ga đường sắt có vị trí rất quan trọng trong vận tải, đó là tác nghiệp hai đầu không thể thiếu trong dây chuyền vận tải đường sắt. Trong bối cảnh đó, Công ty dịch vụ vận tải đường sắt được thành lập ngày 24/6/1964.

Qua hơn 44 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã nhiều lần thay đổi cả về tổ chức và tên gọi: Công ty thiết bị xếp dỡ, Công ty xếp dỡ cơ giới, Xí nghiệp xếp dỡ đường sắt số 2, Công ty xếp dỡ và dịch vụ vận tải đường sắt, Công ty dịch vụ vận tải đường sắt và nay là Công ty cổ phần dịch vụ vận tải đường sắt .

Ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ vận tải Đường sắt sang Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Đường sắt và chính thức hoạt động kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006368 do Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Công ty đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Ngành tặng nhiều danh hiệu cao quý, tiêu biểu như sau:

- Tháng 6 năm 1994 được tặng Bằng khen 30 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Tháng 4 năm 1995 được tặng Huân chương lao động Hạng Nhất;
- Tháng 6 năm 1996 được tặng Huân chương Chiến công Hạng Ba;
- Tháng 1 năm 1999 được tặng cờ “Đơn vị xuất sắc 10 năm đổi mới”;
- Tháng 1 năm 2005 được tặng cờ đơn vị 5 năm liên tục xuất sắc trong phong trào an ninh Tổ quốc 2000- 2005;
- Tháng 12 năm 2006 được cấp Chứng nhận ISO 9001: 2000;
- Tháng 9 năm 2008 được trao tặng Cúp vàng ISO;
- Tháng 1 năm 2009 được tặng cờ thi đua xuất sắc của Bộ giao thông vận tải.

2. Quá trình phát triển:

* Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Vận tải hàng hoá (kể cả hàng siêu trường siêu trọng); vận tải hành khách;
- Các hoạt động phụ trợ cho vận tải; kinh doanh du lịch lữ hành và các dịch vụ du lịch khác;
- Mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu mỡ;
- Mua bán và đại lý ; tuyển chọn , thu gom than; thu gom các loại đá;
- Tạm nhập tái xuất và chuyển khẩu hàng hoá;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc thiết bị); sản xuất thân xe có động cơ và rơ moóc; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ;
- Chuẩn bị mặt bằng; xây dựng công trình, hạng mục công trình; lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng;
- Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật; nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê;
- Môi giới đấu giá bất động sản;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Cho thuê máy móc thiết bị khác;
- Các hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật khác.
- Kinh doanh kho bãi, ga ra xe.

* Tình hình hoạt động:

a. Giai đoạn từ năm 1964 đến 1975:

Giai đoạn này, Công ty vừa làm nhiệm vụ xếp dỡ hàng hóa vừa làm nhiệm vụ cứu viện, đảm bảo giao thông và tham gia chiến đấu. Với số lao động có lúc lên đến gần 1.700 người, cán bộ công nhân viên Công ty đã bám ga, bám hàng, có mặt ở khắp các trọng điểm đánh phá ác liệt của địch, gửi cả mồ hôi và máu của mình vào những tần hàng an toàn tới đích, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

b. Giai đoạn từ năm 1976 đến 1988:

Sau chiến tranh, kinh tế xã hội đất nước đứng trước nhiều khó khăn, đối với Công ty lại càng khó khăn vì lao động dư thừa, phần lớn là lao động thủ công chưa được đào tạo nghiệp vụ. Công ty đã chủ động khắc phục khó khăn, tích cực tìm kiếm khai thác việc làm, tìm ra một số hướng sản xuất mới đó là vận tải, dịch vụ vận tải; thu mua chuyên chở tiêu thụ cho chủ hàng; khai thác vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng.

Công ty đã trở thành đơn vị đi đầu trong cả nước về xếp dỡ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, có vinh dự được phục vụ hầu khắp các công trình lớn của đất nước trong thời gian này như: xây dựng Nhà máy thủy điện Thác Bà, Nhiệt điện Phả Lại, Xe lửa Gia Lâm, Giấy Bãi Bằng, Xi măng Hoàng Thạch, Bim Sơn, Thủy điện Sông Đà... và nhất là được tham gia xếp dỡ những kiện hàng phục vụ xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Công ty còn đảm nhận những công việc khó khăn phục vụ sản xuất của Ngành đường sắt như vận chuyển than cho đầu máy từ Quỳnh Nhai (Sơn La); Khe Bố (Nghệ An) về Hà Nội, Ninh Bình, Vinh.

Từ trong khó khăn, qua thực tiễn lao động sản xuất, những kinh nghiệm và tư duy sản xuất mới đã bước đầu được hình thành, chuẩn bị cho việc đổi mới, phát triển Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

c. Từ năm 1989 đến 2004:

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Ngành đường sắt tiến hành đổi mới hoạt động. Quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ngành, xuất phát từ kinh nghiệm thực tế sản xuất những năm sau chiến tranh, Công ty tiến hành đổi mới hoạt động của Công ty.

Công ty ban hành quy chế phân cấp, giao quyền chủ động cho các đơn vị. Cơ chế mới đã phát huy tác dụng và tạo ra sự tăng trưởng. Trên cơ sở sản xuất ổn định và tăng trưởng, Công ty từng bước tiến hành việc đầu tư, đổi mới thiết bị.

Công ty mở rộng thêm nhiều lĩnh vực sản xuất như vận chuyển quá cảnh, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh kho bãi... Cơ cấu sản xuất thay đổi, tỷ lệ lao động cơ giới và dịch vụ tăng lên. Sản xuất phát triển, tăng trưởng cao và liên tục trong nhiều năm liền; địa bàn, thị trường phát triển, quy mô sản xuất được mở rộng. Từ chỗ sau chiến tranh sản xuất thu hẹp chỉ còn một số điểm, giai đoạn này Công ty đã khôi phục và thành lập thêm các đơn vị mới, nâng tổng số đơn vị trực thuộc lên 17 đơn vị, hoạt động trên phạm vi cả nước.

Với quan điểm phục vụ chủ hàng theo phương thức “từ kho đến kho”, Công ty đã khai thác và tổ chức phục vụ nhiều cơ quan, doanh nghiệp, trong đó có những khối lượng lớn như: đại lý vận tải, tiêu thụ hàng chục nghìn tấn phân lân phục vụ sản xuất nông nghiệp, đại lý vận tải, tiêu thụ hàng trăm nghìn tấn xi măng Bỉm Sơn mỗi năm; dịch vụ vận tải hàng trăm nghìn tấn clinker/năm; trung chuyển, xếp dỡ vận chuyển hàng chục nghìn tấn than Na Dương, than cám/năm; xếp dỡ, vận chuyển gỗ, khoáng sản xuất khẩu; khai thác cung cấp hàng chục nghìn tấn xỉ Phả Lại, đá Ba-zan làm phụ gia cho các nhà máy xi măng ... Công ty trở thành một đơn vị làm tốt nhiệm vụ khai thác, tiếp thị của ngành. Một số nguồn hàng Công ty khai thác đã góp phần ổn định khai thác một số tuyến đường sắt như vận chuyển đá Ba-zan Cầu Giát-Nghĩa Đàn, vận chuyển đá trên tuyến Mai Pha- Na Dương.

Ngoài sản xuất xếp dỡ, dịch vụ, vận tải thông thường, Công ty đẩy mạnh việc nghiên cứu các dự án, tiếp tục có những đóng góp vào việc xây dựng nhiều công trình trọng điểm lớn của đất nước như Thủy điện Hòa Bình, Yaly; Nhiệt điện Phả Lại, các trạm biến áp lớn ở khắp cả nước, Khu gang thép Thái Nguyên, các nhà máy xi măng Hoàng Thạch, Bút Sơn, Hoàng Mai, Nghi Sơn, Bỉm Sơn, các nhà máy xi măng lò đứng, các nhà máy đường, các khu công nghiệp NOMURA (Hải Phòng), Sài Đồng (Hà Nội), Dung Quất, vận chuyển hàng ngàn tấn thiết bị cho việc xây dựng các công trình giao thông, các cầu lớn từ Bắc vào Nam, vận chuyển thiết bị cho ngành dầu khí... và thành tích đặc biệt trong việc vận chuyển an toàn các máy biến thế nặng hàng trăm tấn từ Quy Nhơn lên Playcu vượt qua địa hình nhiều đèo dốc, phức tạp phục vụ xây dựng đường dây siêu cao thế 500 KV.

Công ty tổ chức nhiều đoàn cán bộ đi tham quan, học tập ở nước ngoài. Công ty đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ với một số đối tác nước ngoài như Công ty NISSIN, MISSUI, xi măng Nghi Sơn (Nhật), Công ty điện HABIN, Dịch vụ đổi ngoại Bắc Kinh, Kinh tế đổi ngoại Hà Khẩu (Trung Quốc)... Sự hợp tác này giúp cho Công ty có một chân hàng ổn định, tham gia nhiều công trình của chủ đầu tư và các nhà thầu nước ngoài như vận chuyển container đi Nghi Sơn và các tuyến, vận chuyển container cho liên doanh ô tô Hòa Bình, vận chuyển kết cấu thép từ MISSUI Thăng Long phục vụ xây dựng cầu lớn ở khắp 3 miền, vận chuyển thiết bị toàn bộ xây dựng nhà máy điện Cao Ngạn...

Công ty đã triển khai phát triển địa bàn hoạt động sang nước bạn Lào, tổ chức xếp dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị nhập khẩu của bạn từ các cảng Hải Phòng, Cửa Lò sang Lào, vận chuyển máy móc thi công của các doanh nghiệp Việt Nam xây dựng các công trình trên đất bạn, vận chuyển gỗ, thạch cao Lào về Việt Nam...

Công ty chú ý tạo điều kiện cho người lao động có nơi ở ổn định. Với phuong châm nhà nước và nhân dân cùng làm, Công ty đã xây dựng hàng nghìn mét vuông nhà ở từ 2-3 tầng cho CBCNV, thực hiện hóa giá nhà, giao đất cho hàng trăm hộ gia đình. Hàng năm, Công ty quan tâm việc tham quan nghỉ mát, du lịch cho CBCNV, duy trì phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

d. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Từ năm 2005 đến nay là giai đoạn đặc biệt, có tính bước ngoặt đối với lịch sử phát triển của Công ty, là giai đoạn đầu tiên đánh dấu sự thành công trong việc đổi mới doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, đóng góp cho xã hội và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Công ty đã sớm ổn định tổ chức, lao động, từng bước triển khai xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế quản lý mới, đổi mới triệt để hoạt động quản lý của doanh nghiệp. Công ty triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001- 2000 và được tổ chức Bureau Veritas của Vương quốc Anh đánh giá và cấp chứng chỉ tháng 12 năm 2006.

Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là vận tải hàng hoá như xi măng, clinker, thạch cao cho ngành xi măng, vận chuyển các thiết bị kết cấu thép phục vụ các công trình lớn như Hầm Thủ Thiêm, hành lang Đông Tây, Cầu Cần Thơ ... Đặc biệt là đã trúng thầu những dự án lớn như vận chuyển toàn bộ thiết bị cho Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2; vận chuyển thiết bị xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc gia; vận chuyển thiết bị toàn bộ cho Dự án Nhiệt điện Cẩm Phả...

Trong thời gian ngắn, Công ty đã đầu tư và cơ bản đổi mới, nâng cao năng lực thiết bị xếp dỡ vận chuyển, đặc biệt là việc đầu tư và đưa vào sử dụng dây chuyền xếp dỡ vận chuyển hàng siêu trọng theo công nghệ mới, bảo đảm an toàn, đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; thực hiện tin học hóa trong hoạt động và quản lý sản xuất kinh doanh. Công ty còn nghiên cứu và tham gia các lĩnh vực mới như đầu tư tài chính, góp phần gắn chặt với sản xuất kinh doanh của các đối tác, bạn hàng chiến lược. Đây cũng được coi là bước đột phá của Công ty trong thời gian này và tiếp tục giai đoạn sau.

Qua 3 năm chuyển sang công ty cổ phần, sản lượng doanh thu của Công ty tăng hơn 2 lần, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đạt trên 27%. Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp có vị thế nhất định trong ngành giao thông vận tải của Việt Nam. Công ty đã không ngừng từng bước tìm tòi, cải tiến nhằm phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giữ vững và phát huy truyền thống vốn có của mình, nội bộ ổn định, đoàn kết, sản xuất kinh doanh luôn tăng trưởng, công tác Văn hoá - Xã hội được duy trì và phát triển theo chiều sâu.

3. Định hướng phát triển:

Công ty đã xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, đặt ra mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực vận tải đa phương thức; có các giá trị cốt lõi tiên tiến, văn hoá doanh nghiệp và bảo vệ môi trường. Đưa VRTS trở thành thương hiệu nổi tiếng trong ngành vận tải vào năm 2015; tạo ra sự tăng trưởng bền vững và phát triển lực lượng lao động tích cực và trung thành với phương châm:

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức được ưa chuộng và tin cậy với cam kết đem lại dịch vụ chất lượng cao,
- Đưa ra các giải pháp hợp lý và sáng tạo cho việc vận tải phục vụ khách hàng.

- Điều chỉnh hệ thống và phương pháp nội bộ nhằm thích nghi và đáp ứng các yêu cầu của thị trường.
- Luôn duy trì môi trường văn hóa doanh nghiệp với tinh thần hợp tác và công bằng để CBCNV của Công ty có thể phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

1.1 Thuận lợi:

Công ty bước vào hoạt động năm 2008 có những thuận lợi cơ bản do sản xuất đã đi vào nề nếp ổn định, cán bộ chủ chốt của Công ty ý thức được trách nhiệm và thống nhất quyết tâm phát triển. Về thị trường, các hợp đồng lớn như vận chuyển thiết bị cho Nhà máy nhiệt điện Cảm Phả 1; dây chuyền 2 Nhà máy xi măng La Hiên; Nhà máy thuỷ điện Sơn La và một số công trình lớn khác đã vào giai đoạn tập trung thực hiện, các hợp đồng dài hạn tiếp tục thực hiện ổn định. Về tài chính, nguồn vốn của Công ty khá chủ động đáp ứng cho sản xuất kinh doanh.

1.2 Khó khăn:

Cũng như các đơn vị khác sức ép cân đối giá thành do các yếu tố đầu vào và giá nhiên liệu tăng liên tục là khó khăn lớn nhất; dịch vụ vận chuyển đường sắt có nhiều khó khăn do thiếu toa xe; tình hình kinh tế xã hội trong năm có nhiều khó khăn, biến động làm cho nhiều đối tác, bạn hàng của Công ty gặp khó khăn nhất là về tài chính làm ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty; và về chủ quan là nhận thức và hành động cũng như năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ công nhân chưa theo kịp được yêu cầu.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Tổng doanh thu thực hiện 151,4 tỷ tăng 59,4 % so với kế hoạch và tăng 54,9% so với thực hiện năm 2007 (trong đó còn lại sau khi trừ các đơn vị trực thuộc là 134,9 tỷ). Doanh thu quản lý nội bộ đạt 35,2 tỷ, tăng 43,7 % so với kế hoạch và tăng 49,7 % so với thực hiện năm 2007.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 3,813 tỷ tăng 36,2 % so với kế hoạch và tăng 148,0% so với thực hiện năm 2007.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

3.1 Thực hiện đầu tư, mở rộng sản xuất

Trong năm, Công ty đã mua và đưa vào khai thác thêm 04 xe đầu kéo mới 100% do Trung Quốc sản xuất, 02 xe đầu kéo do Mỹ sản xuất, 06 moóc mới 100%; Đầu tư 25 toa xe đường sắt H-C31 do Trung Quốc sản xuất với tổng kinh phí đầu tư năm 2008 đã thực hiện 17,34 tỷ đồng.

3.2 Các dự án xây dựng, khai thác đất đai:

Nâng cấp chỉnh trang trụ sở văn phòng các Chi nhánh Hải Phòng, Giáp Bát, Lào Cai; xây mới nhà lưu trú tại Yên Viên; thu hồi và cải tạo nâng cấp Văn phòng tại Thái Nguyên. Tiếp tục thúc đẩy công tác giải phóng mặt bằng, tiếp xúc lừa

chọn các đơn vị tư vấn, xây dựng để khởi công Dự án xây dựng khu A1B1. Khắc phục các tồn đọng cũ về hồ sơ, thuế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu Cơ quan Công ty; tiếp tục triển khai lập dự án xây dựng khu văn phòng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2009 kinh tế thế giới suy thoái trầm trọng, tác động mạnh đến kinh tế Việt Nam. Các đối tác của Công ty trong khu vực đầu tư nước ngoài bị ảnh hưởng mạnh song những dự án công trình lớn Công ty đang thực hiện ít bị ảnh hưởng. Bên cạnh những thách thức là cơ hội trong việc tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao uy tín, vị thế của doanh nghiệp.

Trong vòng 2-3 năm tới, dự báo nền kinh tế thế giới và trong nước phục hồi sẽ mở ra cơ hội trong việc phát triển sản xuất kinh doanh vận tải, phục vụ các dự án, công trình. Cùng với đó là sự phục hồi của thị trường bất động sản sẽ mở ra cơ hội cho việc triển khai các dự án xây dựng, đầu tư bất động sản của Công ty, trước hết là khai thác các dự án đất đai, mặt bằng hiện đang có quyền sử dụng.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán nhanh :	0,25 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành:	2,25 lần
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản:	8,31 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần:	2,46 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / nguồn vốn chủ sở hữu:	14,95 %

1.2 Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

Năm 2008: Sản lượng doanh thu và lợi nhuận của Công ty đều tăng ở mức cao. Mặc dù năm 2008 là một năm tình hình giá cả thị trường có sự biến động rất mạnh, đầu năm lạm phát cao, cuối năm kinh tế suy giảm song nhờ sự chủ động nỗ lực, đoàn kết của toàn thể CBCNV trong Công ty trong việc tiết kiệm chi phí, sáng kiến cải tiến kỹ thuật dưới sự chỉ đạo điều hành sát sao của ban lãnh đạo Công ty; Các đòn bẩy về tiền lương tiền thưởng tập trung vào việc cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm giảm các chi phí hoạt động trên một đơn vị sản phẩm. Do vậy kết quả SXKD của Công ty năm 2008 đã đạt tương đối cao.

1.3 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo:

Tài sản (đồng)	Nguồn vốn (đồng)		
I. Tài sản ngắn hạn	24.759.185.958	I. Nợ phải trả	17.707.808.891
II. Tài sản dài hạn	15.113.620.149	II. Vốn chủ sở hữu	22.164.997.216
Tổng cộng	39.872.806.107	Tổng cộng	39.872.806.107

1.4 Những thay đổi về vốn cổ đông:

Năm 2008 Công ty đã phát hành 340.720 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và 704.640 cổ phần cho các cổ đông hiện hữu với mệnh giá 10.000 đồng/CP. Nâng tổng số cổ phần đã góp của Công ty lên 1.750.000 cổ phần (tổng giá trị vốn thực góp là 17.500.000.000 đồng / 20.000.000.000 đồng vốn điều lệ).

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008
1	TỔNG CỔ PHIẾU		
-	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	CP	1.750.000
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	CP	1.750.000
-	Cổ phiếu phổ thông	CP	1.750.000
2	CỔ TỨC CHIA CHO CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN	Tr.đ	1.579,6
-	Chi trả cổ tức lần 1 năm 2008 (5 %/vốn Điều lệ)	Tr.đ	704,6
-	Chi trả cổ tức lần 2 năm 2008 (5 %/ vốn điều lệ)	Tr.đ	875,0

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2008:

Bước vào năm kế hoạch, Hội đồng quản trị Công ty đã có những dự báo, nhận định chính xác tình hình. Ban lãnh đạo đã chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu khó khăn, tối ưu hoá lợi nhuận, khuyến khích người lao động, thực hiện nhiều biện pháp sáng kiến cải tiến tiết kiệm nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ giảm giá thành vận tải.

Công ty đã tích cực khai thác các dự án, giữ vững được thị trường truyền thống, phát triển những thị trường tiềm năng. Từ đó góp phần nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế mới điều hành sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính; duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của Công ty.

Duy trì áp dụng và liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng quản lý trong doanh nghiệp.

Xây dựng quy chế trả lương gắn với năng suất và chất lượng sản phẩm; sửa đổi bổ sung các chế độ về khen thưởng. Tăng cường pháp chế trong quản lý mọi mặt ở Công ty như: Nội quy lao động, quy định về quản lý mua bán vật tư, qui định về công tác phí, các quy chế đào tạo, an toàn vệ sinh lao động....

Tích cực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện mức ăn ca, chế độ bồi dưỡng độc hại theo đúng qui định, tăng cường chính sách đào tạo tay nghề chuyên môn cho người lao động. Trong năm, nhiều cán bộ công nhân viên được đi tham quan học tập ở nước ngoài.

4. Kế hoạch kinh doanh và phát triển trong năm 2009:

4.1 Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu 150 tỷ, doanh thu quản lý nội bộ 32 tỷ và phần đầu đạt trên 34 tỷ đồng;
- Thực hiện tốt công tác an toàn: chủ động các biện pháp phòng tránh tai nạn, đảm bảo an toàn cả về người, hàng hóa, thiết bị và an toàn giao thông.
- Về tài chính: sử dụng hiệu quả vốn, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước; lợi nhuận đạt từ 3,2 tỷ trở lên.
- Thu nhập và đời sống: Đảm bảo thu nhập bình quân từ 3,5 triệu đồng/tháng trở lên; thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người lao động.

4.2 Đầu tư phát triển, nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ:

- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ chủ hàng theo chiến lược phát triển. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai phát triển sản xuất kinh doanh cả về tổ chức và quy mô đặc biệt là những dự án phối hợp sản xuất phụ gia, vật liệu từ phế thải công nghiệp.
- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất cả về quản lý kế hoạch, quản lý thiết bị kỹ thuật vật tư cũng như quản lý lao động, chế độ.

4.3 Nâng cao chất lượng dịch vụ:

Chú trọng bảo đảm và nâng cao chất lượng dịch vụ cả về bảo quản an toàn tuyệt đối hàng hóa, thực hiện đúng tiến độ cam kết cũng như thông tin báo cáo chính xác và các dịch vụ hỗ trợ kèm theo khác. Nghiên cứu bổ sung các dịch vụ hỗ trợ, hạ giá thành hợp lý trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

4.4 Tuyển dụng và đào tạo:

Xây dựng Kế hoạch dài hạn, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực và cơ chế tuyển dụng, thu hút lao động có trình độ về kỹ thuật, ngoại thương, tài chính, vận tải, luật..., có các biện pháp cụ thể tăng cường công tác tuyển dụng; tiếp tục triển khai công tác đào tạo và đào tạo lại nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thực hiện công việc.

4.5. Công tác xây dựng và khai thác quỹ đất:

Nghiên cứu triển khai Dự án xây dựng khu Cơ quan theo phương án tối ưu, tiếp tục thúc đẩy dự án khu A1B1; nghiên cứu các dự án xây dựng khác tại các đầu mối như Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh; củng cố nâng cấp trụ sở cơ quan đơn vị.

4.6 Phát triển và phát triển bền vững:

Thực hiện nghiêm túc Chiến lược phát triển Công ty, quy hoạch nguồn hàng; mở rộng ngành nghề kinh doanh; khai thác, tận dụng những tiềm năng, thế mạnh của Công ty; phổ biến và quán triệt những tiêu chuẩn giá trị cốt lõi, văn hóa của doanh nghiệp và các nội dung bảo vệ môi trường cùng với việc thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

IV. Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập theo qui định của pháp luật về kế toán.
- Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 03 năm 2009 gồm:

1. Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2008 (*đã được kiểm toán*):

Đơn vị tính: VNĐ

SỐ TT	NỘI DUNG	SÓ	SÓ
		ĐẦU NĂM	CUỐI NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	14.590.904.696	24.759.185.958
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.132.144.480	4.123.142.246
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	10.600.373.580	15.924.189.835
4	Hàng tồn kho	77.430.450	115.089.285
5	Tài sản ngắn hạn khác	780.956.186	1.596.764.592
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	10.243.708.819	15.113.620.149
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	8.641.208.819	12.664.120.149
-	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>8.641.208.819</i>	<i>12.667.120.149</i>
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.602.500.000	2.446.500.000
5	Tài sản dài hạn khác	0	0
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	24.834.613.515	39.872.806.107
IV	NỢ PHẢI TRẢ	15.550.309.963	17.707.808.891
1	Nợ ngắn hạn	11.026.754.648	16.323.036.695
2	Nợ dài hạn	4.523.555.315	1.384.772.196
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.284.303.552	22.164.997.216
1	Vốn chủ sở hữu	9.164.849.741	21.998.104.605
-	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>7.046.400.000</i>	<i>17.500.000.000</i>
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>666.075.238</i>	<i>871.887.711</i>
-	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>105.970.609</i>	<i>250.222.030</i>
-	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>0</i>	<i>62.000.000</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chia phần phôi</i>	<i>1.346.403.894</i>	<i>3.313.994.864</i>
-	<i>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	119.453.811	166.892.611
-	<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>119.453.811</i>	<i>166.892.611</i>
-	<i>Nguồn kinh phí</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
-	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	24.834.613.515	39.872.806.107

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008:

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.721.427.502	134.684.436.273
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.721.427.502	134.684.436.273
4	Giá vốn hàng bán	86.635.086.675	117.937.238.677
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.086.340.827	16.747.197.596
6	Doanh thu hoạt động tài chính	194.788.379	576.651.465
7	Chi phí tài chính	379.626.489	438.500.216
8	Chi phí bán hàng	16.780.227	60.745.498
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.394.180.026	13.012.976.725
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.490.542.464	3.811.626.622
11	Thu nhập khác	51.365.241	1.390.000
12	Chi phí khác	4.453.164	0
13	Lợi nhuận khác	46.912.077	1.390.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.537.454.541	3.813.016.622
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.431.560	499.021.758
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.339.022.981	3.313.994.864
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.900	2.705
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán Phương Đông - ICA

Đại diện duy nhất của tập đoàn quốc tế PKF International tại Việt Nam

Địa chỉ: Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.

1.1. Cơ sở ý kiến:

“Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán

thích hợp. Việc xem xét này, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán”.

1.2 Ý kiến của kiểm toán:

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Đường sắt, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định hiện hành về tài chính kế toán”.

1.3 Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

VI. Các công ty có liên quan

Không có Công ty nào nắm giữ trên 50% vốn của Công ty.

Công ty không góp vốn cổ phần trên 50% vào các công ty khác.

Hiện nay Tổng công ty đường sắt Việt Nam có 504.680 cổ phần trong Công ty chiếm 28,83 % vốn điều lệ thực góp.

Năm 2008 Công ty không đầu tư góp vốn thêm vào các doanh nghiệp khác mà giữ nguyên số vốn đã đầu tư từ các năm trước (Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng VVMI 641.100.000 đồng; Công ty cổ phần Thạch Cao Xi măng 618.000.000 đồng; Công ty cổ phần Xi măng Lạng Sơn 343.400.000 đồng).

Năm 2008 các doanh nghiệp Công ty mua cổ phần đều hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và vẫn mang lại hiệu quả cho Công ty vì hầu hết Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi và theo mệnh giá. Dự kiến cổ tức năm 2008 của Công ty CP Thạch cao Xi măng là 8,2%; Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng VVMI là 15% và Công ty CP Xi măng Lạng Sơn là 12 %.

VII. Tổ chức và nhân sự

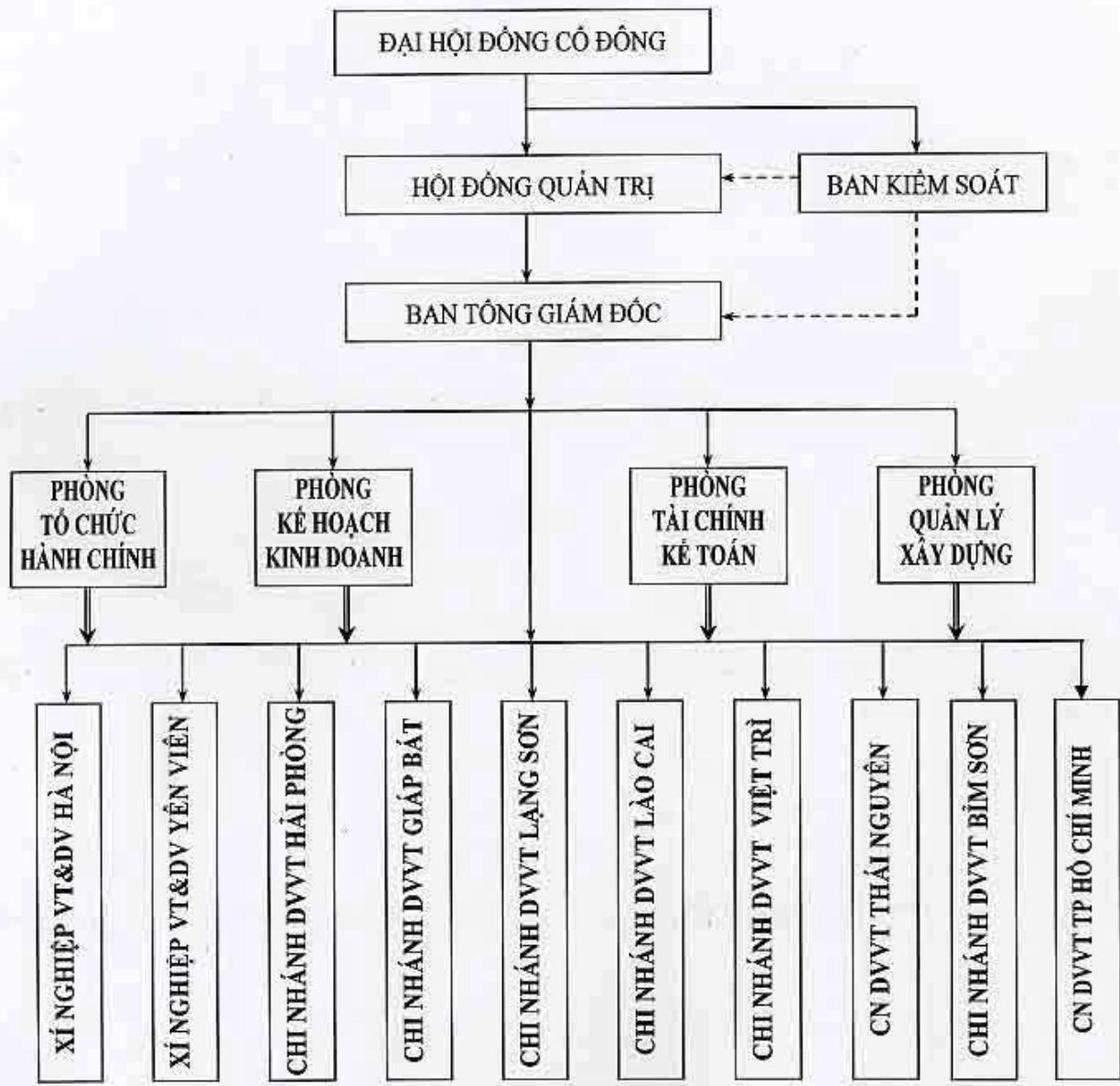
Ban điều hành của Công ty gồm 3 người :

- Tổng giám đốc: Ông Phạm Hùng Sơn- Thạc sĩ Kỹ thuật
- Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Đăng Khoa- Kỹ sư Kinh tế
- Phó Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Trần Bình- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Số lượng cán bộ, nhân viên trong toàn Công ty 2008 là 187 người. Người lao động đều được thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ chính sách mà nhà nước quy định đối với người lao động (Bảo hiểm y tế, xã hội, trả lương...)

Trong năm 2008 toàn bộ Ban lãnh đạo công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng không có sự thay đổi về nhân sự.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Đường sắt



- Quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo
 - - - → Quan hệ kiểm tra, giám sát
 ==> Quan hệ hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát :

Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 05 năm, bao gồm một Chủ tịch và 4 ủy viên. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại điều 27 trong Điều lệ Công ty. Các ủy viên đều là ủy viên kiêm nhiệm.

Ban kiểm soát có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm.

1.2 Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban và các cá nhân trong toàn Công ty. Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Tổng giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có một thành viên là cổ đông ngoài và 2 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trưởng BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trưởng ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Hợp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp đánh giá tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do Trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thông kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo. Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

1.4 Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Hội đồng quản trị trong Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho công ty. Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của Công ty.

1.5 Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho Chủ tịch, các ủy viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2008 đã thông qua.

1.6 Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, trình độ học vấn:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Phạm Hùng Sơn | - Chủ tịch: Thạc sỹ Cơ khí giao thông |
| - Ông Nguyễn Đăng Khoa | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Nguyễn Thanh Quảng | - ủy viên: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| - Ông Cao Xuân Hạt | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Phạm Văn Hà | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- | | |
|----------------------|--|
| - Ông Đỗ Minh Phương | - Trưởng ban: Kỹ sư vận tải đường sắt |
| - Ông Trịnh Hùng Tư | - ủy viên: Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt |
| - Ông Lê Kim Giang | - ủy viên: Cử nhân Tài chính |

1.7 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc như sau:

Đơn vị tính: cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2008	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		504.680	234.140
1	Ông Phạm Hùng Sơn	CT HĐQT	504.680	60.460
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Ủy viên	0	38.720
3	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Ủy viên	0	38.320
4	Ông Cao Xuân Hạt	Ủy viên	0	40.220
5	Ông Phạm Văn Hà	Ủy viên	0	56.420

II	BAN KIÈM SOÁT		0	50.620
1	Ông Đỗ Minh Phương	Trưởng BKS	0	22.100
2	Ông Trịnh Hùng Tư	Ủy viên	0	26.820
3	Ông Lê Kim Giang	Ủy viên	0	1.700
III	BAN GIÁM ĐỐC và KTT		504.680	156.520
1	Ông Phạm Hùng Sơn	Tổng Giám đốc	504.680	60.460
2	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng GĐ	0	38.720
3	Ông Nguyễn Trần Bình	Phó Tổng GĐ	0	19.020
4	Ông Nguyễn Thanh Quảng	Kế toán Trưởng	0	38.320

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước tính đến ngày 31/12/2008 như sau: Cổ đông là tổ chức: 01 cổ đông chiếm 28,83 % vốn góp. Cổ đông là cá nhân: 188 cổ đông chiếm 71,17 % vốn góp. Cổ đông lớn góp vốn là Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (Địa chỉ 118 Lê Duẩn, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Số đăng ký kinh doanh 113842 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp) và hiện nắm giữ 504.680 cổ phần chiếm 28,83 % vốn góp của Công ty.

2.2. Cổ đông góp vốn nước ngoài:

Số lượng và thông tin chi tiết cổ đông nước ngoài: Không có cổ đông nước ngoài góp vốn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hùng Sơn